

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: **25/3/2025**

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Kim Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Kim Thành**

Bà **Vũ Thị Lệ Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lã Phú Huy** - Thư ký TAND quận S, thành phố Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2025:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Mỹ N**, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Đình T**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: H L, phường T, quận S, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Mỹ N và ông Võ Đình T có đăng ký kết hôn vào năm 2012, giấy đăng ký kết hôn số 306 ngày 14/12/2012 tại UBND phường T, quận S, thành phố Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T sử dụng chất gây nghiện, bạo lực và đánh đập bà N. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay bà N nhận thấy tình cảm đối với ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N đề nghị Tòa án cho bà N được ly hôn với ông T.

- Về quan hệ con chung: Bà Đinh Thị My N xác định bà và ông Võ Đình T có 02 con chung là: Võ Đình T1, sinh ngày 18/8/2012 và Võ Đình T2, sinh ngày 24/7/2015. Ly hôn, nguyện vọng của bà N là được nuôi con chung Võ Đình T2 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung Võ Đình T1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà N thay đổi nguyện vọng là được nuôi 02 con chung là Võ Đình T2 và Võ Đình T1 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi vì lý do ông T thường sử dụng chất gây nghiện, hiện nay không rõ đang làm gì, thu thập không ổn định, hành vi bạo lực sau khi sử dụng chất gây nghiện có thể ảnh hưởng đến con nên vì vậy đề nghị HĐXX cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Đinh Thị My N xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Đinh Thị My N xác định không có nợ chung.

* Đối với bị đơn – ông Võ Đình T, Tòa án nhân dân quận S qua xác minh được biết ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: H L, phường T, quận S, thành phố Đ tuy nhiên ông T không tham gia để giải quyết vụ án, để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật và để đảm bảo quyền lợi cho ông T; Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt nên không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án không có cơ sở để xem xét yêu cầu và nguyện vọng của ông T.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn do ông T vắng mặt không có tin tức gì nên không xem xét việc chấp hành pháp luật của bị đơn. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn cho bà N ly hôn với ông T.

Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung Võ Đình T1, sinh ngày 18/8/2012 và Võ Đình T2, sinh ngày 24/7/2015 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

Nếu sau này ông T có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của Bà Đinh Thị My N nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Võ Đình T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Võ Đình T vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Bà Đinh Thị My N và ông đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND phường T, quận S, thành phố Đ, giấy đăng ký kết hôn số 306 ngày 14/12/2012. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc ai. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại địa chỉ: H L, phường T, quận S, thành phố Đ. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T sử dụng chất gây nghiện, bạo lực và đánh đập bà N. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Không ai quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Tại phiên tòa hôm nay, bà Đinh Thị My N xác định không còn yêu thương ông Võ Đình T nữa, ông xin được ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị My N đối với ông Võ Đình T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Đinh Thị My N và ông Võ Đình T lại không làm được điều này. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm được cách giải quyết đề hàn gắn và xây dựng gia đình. Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện giữa bà N và ông T có mâu thuẫn dẫn cãi vã, xô xát với nhau, hiện nay bà N không còn chung sống với ông T tại địa phương. Về phía ông Võ Đình T, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông Võ Đình T vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy ông Võ Đình T không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Đinh Thị My N và ông Võ Đình T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị My N đối với ông Võ Đình T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Bà Đinh Thị My N xác định bà và ông Võ Đình T có 02 con chung là: Võ Đình T1, sinh ngày 18/8/2012 và Võ Đình T2, sinh ngày 24/7/2015. Ly hôn, nguyện vọng của bà N là được nuôi 02 con chung là Võ

Đình T2 và Võ Đình T1 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi vì lý do ông T thường sử dụng chất gây nghiện, hiện nay không rõ đang làm gì, thu nhập không ổn định, hành vi bạo lực sau khi sử dụng chất gây nghiện có thể ảnh hưởng đến con nên vì vậy đề nghị HĐXX cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Võ Đình T1 và Võ Đình T2. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần. Nguyên vọng của bà N là được nuôi 02 con chung là Võ Đình T2 và Võ Đình T1 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi vì lý do ông T thường sử dụng chất gây nghiện, hiện nay không rõ đang làm gì, thu nhập không ổn định, hành vi bạo lực sau khi sử dụng chất gây nghiện có thể ảnh hưởng đến con. Không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với tình hình thực tế, ổn định cuộc sống của các con, phù hợp với nguyên vọng của các con cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đình Thị Mỹ N xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung. Ông Võ Đình T vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên có ý kiến trình bày về việc vợ chồng bà không có tài sản chung. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng Bà Đình Thị Mỹ N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của bà Đình Thị Mỹ N đối với ông Võ Đình T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đình Thị Mỹ N với ông Võ Đình T.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Đình Thị Mỹ N đối với ông Võ Đình T nên giấy chứng nhận kết hôn số 306/2012, do UBND phường T, quận S, TP .

cấp cho bà Đinh Thị Mỹ N và ông Võ Đình T ngày 14/12/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Võ Đình T2 và Võ Đình T1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) Bà Đinh Thị Mỹ N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Đinh Thị Mỹ N đã nộp tại biên lai thu số 0003174 ngày 20/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ. Bà Đinh Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường T, quận S, TP. Đ;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung

